

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 7 - 2024
V/v “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình và bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1975 (có mặt);

Bị đơn: Ông Đàm Văn H, sinh năm 1969 (có mặt);

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Làng Bàu, phường Liên Bảo, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05 tháng 01 năm 2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Phùng Thị L trình bày: Bà và ông Đàm Văn H kết hôn ngày 16 tháng 3 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tự, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự

nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, bà L về làm dâu và sống chung với gia đình ông H. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng thường đến năm 2021 thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, ông H nhiều lần đánh bà, không cho bà tiếp xúc với xã hội bên ngoài, thường xuyên gây sự khi bà đi họp lớp hay đi tham gia dân vũ ở nơi cư trú. Năm 2014, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông H đến Tòa án nhưng sau đó bà đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, sau khi rút đơn cho đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Bị đơn ông Đàm Văn H trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng có cãi nhau. Ngoài ra bà L thường xuyên tụ tập bạn bè ông khuyên bảo nhưng bà L không nghe. Nay bà L xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Bà L, ông H có 03 con chung là Đàm Thị Thúy N, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1995; Đàm Thị Thu H, sinh ngày 09/02/1998 và cháu Đàm Văn H1, sinh ngày 13/11/2001. Hiện nay cả ba cháu đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Ly hôn bà L, ông H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phùng Thị L, xử cho

bà Phùng Thị L được ly hôn với ông Đàm Văn H; về con chung: tài sản, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L kết hôn với ông H trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường, đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Năm 2014 bà L có đơn xin ly hôn với ông H, sau đó bà đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi rút đơn thì tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn. Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo được cung cấp vào tháng 9/2022 ông bà có xảy ra xô sát với nhau, tổ trưởng tổ dân phố có đến giải quyết. Tòa án đã lấy lời khai của Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ tổ dân phố Làng Bàu được cung cấp về việc bà L có gửi đơn đến Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Vĩnh Phúc về việc bị chồng đánh, ngoài ra ông H còn cấm đoán không cho bà L tham gia liên hoan giao lưu văn hóa, văn nghệ tại nơi cư trú. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L cho bà L được ly hôn với ông H.

[1. 2]. Về con chung: Bà L, ông H có 03 con chung là Đàm Thị Thúy N, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1995; Đàm Thị Thu H, sinh ngày 09/02/1998 và cháu Đàm Văn H1, sinh ngày 13/11/2001. Hiện nay cả ba cháu đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Ly hôn bà L, ông H không đề nghị Tòa án giải quyết.

[1. 3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[1.4] Về án phí: Bà Phùng Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Phùng Thị L được ly hôn ông Đàm Văn H.

1.1 Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

1.2 Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về án phí: Bà Phùng Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005752 ngày 20 tháng 2 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- UBND xã Đại Tự, huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường

